

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2017

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
KHÓA 15 TN, 15 TCT
Kỳ thi Tháng 8/2017

STT	Mã số học sinh	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	ĐIỂM THI		
						GDCT	LTTH	THNN
1	15001550	Phạm Khánh Sang	Nam	29/09/1997	15TCT-CK	6.5	6.0	8.5
2	15003248	Phạm Ngọc Sơn	Nam	11/11/1997	15TCT-CK	7.0	6.0	8.5
3	15001621	Nguyễn Phan Thắng	Nam	04/01/1997	15TCT-CK	8.5	8.0	7.0
4	15002323	Nguyễn Thành Trung	Nam	23/10/1996	15TCT-CK	8.5	8.5	6.5
5	15001562	Nguyễn Huỳnh Nhạc	Nam	07/02/1997	15TCT-Đ	5.5	6.0	6.5
6	15001331	Nguyễn Văn Nhật	Nam	20/01/1997	15TCT-Đ	5.0	7.5	8.0
7	15000917	Lê Nguyễn Hoàng Sơn	Nam	09/03/1997	15TCT-Đ	6.5	7.5	8.5
8	15003285	Phạm Ngọc Thống	Nam	28/08/1996	15TCT-Đ	6.5	7.0	6.5
9	15001937	Nguyễn Văn Thuật	Nam	21/11/1997	15TCT-Đ	6.0	7.0	7.5
10	15003347	Bùi Thị Kim Nhung	Nữ	26/07/1997	15TCT-MTT	7.5	5.0	9.0
11	15000585	Nguyễn Thị Ái Thắm	Nữ	09/09/1997	15TCT-MTT	7.5	6.0	8.5
12	15003375	Trần Nguyễn Xuân Thảo	Nữ	07/03/1997	15TCT-MTT	7.0	4.0	6.5
13	15001251	Lê Văn Tươi	Nam	25/11/1994	15TCT-NL	8.0	5.0	8.0
14	15000562	Bùi Quang Vinh	Nam	12/03/1997	15TCT-NL	8.0	5.0	6.0
15	15002469	Nguyễn Trường Giang	Nam	18/11/1996	15TCT-Ô	8.0	8.0	3.0
16	15000941	Bùi Hữu Toàn	Nam	21/04/1997	15TCT-Ô	8.5	5.0	3.0
17	15002584	Trần Thiện Dũng	Nam	29/07/1995	15TCT-QTM	8.5	7.5	9.0
18	15002747	Phạm Ngọc Gia Phú	Nam	15/10/1996	15TCT-QTM	2.0	5.5	1.5
19	15000520	Lê Minh Bình	Nam	12/04/1996	15TN-CK	7.5	7.0	7.0
20	14000181	Lương Phước Đạo	Nam	02/02/1995	15TN-CK	6.5	7.5	6.0

STT	Mã số học sinh	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	ĐIỂM THI		
							GDCT	LTTH	THNN
21	15003209	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	28/10/1991	15TN-CK	8.5	7.5	6.0
22	15003039	Trần Ngọc	Hiếu	Nam	07/02/1997	15TN-CK	8.0	7.5	6.5
23	15001659	Nguyễn Minh	Luân	Nam	24/08/1997	15TN-CK	8.5	8.0	7.5
24	15000839	Nguyễn Văn	Mẫu	Nam	09/04/1997	15TN-CK	8.5	7.5	8.0
25	15003048	Tạ Công	Tài	Nam	18/12/1994	15TN-CK	8.0	7.5	6.5
26	15003426	Trần Thanh	Tín	Nam	18/06/1996	15TN-CK	6.5	6.5	7.5
27	15003220	Lê Văn	Di	Nam	01/10/1997	15TN-Đ	7.5	6.0	5.5
28	15003183	Nguyễn Đăng	Dũng	Nam	06/01/1996	15TN-Đ	8.0	6.0	5.0
29	15002036	Phan Hoàng	Hưng	Nam	09/09/1996	15TN-Đ	8.5	6.5	6.5
30	15003126	Trần Thế	Phương	Nam	06/05/1995	15TN-Đ	6.0	8.5	8.0
31	15000996	Bùi Công	Thắng	Nam	21/09/1997	15TN-Đ	6.0	8.5	7.0
32	15003506	Dương Phước Anh	Thuận	Nam	19/07/1996	15TN-Đ	6.0	7.5	7.0
33	15001286	Phan Thị Kiều	Anh	Nữ	02/04/1991	15TN-MTT	8.0	5.5	7.5
34	15001889	Đặng Thị Hà	Nhi	Nữ	02/08/1997	15TN-MTT	6.0	6.5	8.0
35	15003463	Đoàn Văn	Cường	Nam	02/02/1995	15TN-NL	8.0	5.5	6.0
36	15003392	Nguyễn Ngọc	Hải	Nam	14/03/1996	15TN-NL	8.5	5.0	6.0
37	15002987	Đặng Bá	Huỳnh	Nam	21/08/1997	15TN-NL	7.5	5.0	7.0
38	15003281	Hồ Phi	Nam	Nam	16/03/1995	15TN-NL	8.5	9.0	8.0
39	15003490	Bùi Hoàng	Nhân	Nam	06/08/1996	15TN-NL	5.5	5.0	6.0
40	15003487	Võ Thanh	Phong	Nam	22/04/1995	15TN-NL	7.5	5.5	8.0
41	15002708	La Hồng	Phước	Nam	28/02/1992	15TN-NL	V	V	V
42	15003320	Trần Mũ	Tắc	Nam	04/01/1994	15TN-NL	8.0	5.0	8.0
43	15003457	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	12/05/1992	15TN-NL	7.5	9.0	8.0
44	15003468	Phạm Tiến	Dũng	Nam	10/03/1993	15TN-Ô	8.5	9.0	7.0
45	15003240	Nguyễn	Là	Nam	15/05/1997	15TN-Ô	8.0	8.0	7.0
46	15002599	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	20/05/1995	15TN-Ô	8.0	7.0	8.0

STT	Mã số học sinh	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	ĐIỂM THI		
						GDCT	LTTH	THNN
47	15002000	Nguyễn Bảo Nghi	Nam	24/04/1997	15TN-Ô	8.0	6.0	6.0
48	15002026	Nguyễn Thanh Quân	Nam	04/08/1995	15TN-Ô	6.5	6.0	6.0
49	15002498	Ngô Đặng Duy Thanh	Nam	05/09/1996	15TN-Ô	6.0	7.5	6.0
50	15003433	Dương Thanh Tùng	Nam	09/06/1995	15TN-Ô	8.0	8.0	5.0
51	15003360	Lê Văn Lợi	Nam	20/10/1995	15TN-QTM	6.5	6.0	5.0

Tổng cộng danh sách có 51 học sinh.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

TRƯỞNG PHÒNG KT & ĐBCL

Hà Phước Tuấn



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2017

**KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
CÁC KHÓA CỬ THI LẠI
Kỳ thi Tháng 8/2017**

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	Nữ	LỚP	Môn thi		
							C.trị	LT	TH
1	Nguyễn Thanh	Thảo	05/10/1996	Bình Định		14TC-Đ	7.5	5.5	5.0
2	Nguyễn Hải	Vinh	24/4/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu		14TC-Đ		7.5	
3	Nguyễn Văn	Sang	20/3/1996	Bình Định		14TC-Đ		8.0	
4	Phan Thanh	Hùng	21/5/1994	Quảng Ngãi		14TC-Đ		6.5	
5	Phạm Thanh	Sang	05/9/1992	Cà Mau		14TC-Đ		4.0	
6	Nguyễn Quốc	Trí	18/12/1995	TP. HCM		14TC-Đ	8.5	7.0	5.0
7	Manh Văn	Kha	20/4/1994	Tiền Giang		13 TC - ĐL	7.5	5.5	7.0
8	Nguyễn Quang	Huy	16/11/1994	TP. HCM		14TC-CKP	V	V	V
9	Phạm Hữu	Sang	22/02/1992	TP. HCM		14TC-CKT		6.5	
10	Vũ Thành	Đạt	16/3/1995	TP. HCM		14TC-Ô1			5.0
11	Phạm Khắc	Dũng	04/8/1996	Gia Lai		14TC-Ô1		5.0	
12	Nguyễn Minh	Trí	07/11/1994	Bình Định		14TC-Ô2		5.0	
13	Đoàn Minh	Luận	15/6/1993	Quảng Ngãi		14TC-Ô2			5.0
14	Nguyễn Thành	Lộc	18/5/1996	TP. HCM		14TC-Ô2		V	V
15	Dương Trung	Kiên	01/6/1996	Bình Thuận		14TC-Ô2	8.0	5.0	3.0
16	Lê Bá Thụy	Nhân	24/7/1993	Đồng Nai		14TC-Ô2	V	V	V
17	Trần Văn	Hương	23/10/1996	Kiên Giang		14TC-Ô2	7.0	7.0	5.0
18	Huỳnh Văn	Dương	16/6/1994	Phú Yên		13TC-QTM			2.0
19	Hà Minh	Mẫn	24/02/1991	Tây Ninh		13TC-QTM	6.0	5.5	2.0
20	Nguyễn Trường	Ân	01/01/1993	Cần Thơ		13TC-QTM	5.5	5.5	3.0

Tổng cộng danh sách có 20 học sinh.



TRƯỜNG PHÒNG KT & ĐBCL

(Signature)
Hà Phước Tuấn